

Hạnh nguyện cuộc đời Hòa Thượng Khánh Anh và phong trào chấn hưng Phật giáo

(Thuyết trình trong Lễ Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn 9) tại chùa Khánh Anh, Paris-Pháp, vào Thứ Bảy ngày 15 tháng 8 năm 2015 của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni

Kính thưa toàn thể quý vị đại biểu cùng hội chúng

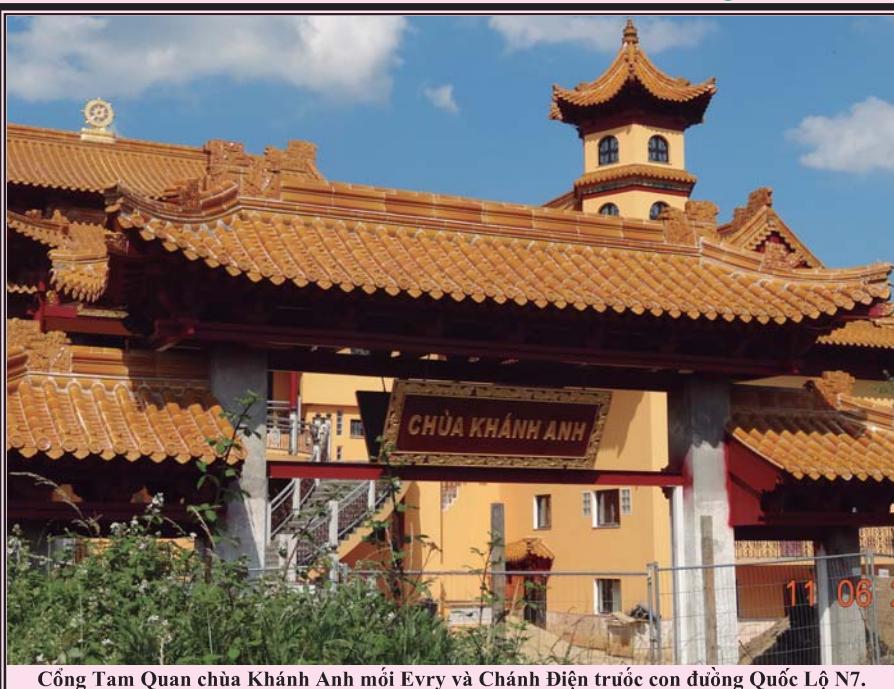
Thế kỷ 20 Phật Giáo VN trong thế chuyển mình đã xảy ra hai sự kiện lớn, ảnh hưởng lâu dài đến **sứ mệnh tuyên dương giáo pháp** Phật Đà của người con Phật hai giới xuất gia và tại gia ở quốc nội cũng như tại hải ngoại hiện tại.

Đó là, thứ nhất : **Phong trào chấn hưng Phật Giáo** vào đầu thế kỷ mà các bậc tiên bối đã dày công đóng góp hình thành; và thứ nhì : **Làn sóng người tỵ nạn Cộng sản** của hàng Tăng già và giới Cư sĩ Phật tử vào thập niên 80 của cuối thế kỷ trước, mang dấu ấn sâu đậm đối với Phật Giáo Việt Nam thêm đa dạng, được nhiều người biết tới, nhất là giới nghiên cứu Phật Giáo rất quan tâm. Tuy còn một số hạn chế nhất định, chúng ta chưa dám lấy làm tự hào, lạc quan về trào lưu tự phát này mà cần phải khắc phục, chỉnh đốn để Phật Giáo Việt Nam mới có thể hội nhập vào được môi trường của các xã hội tân tiến hiện đại, như công cuộc phục hoạt của tiên nhân trong 9 thập niên qua.

I- Kết hợp Đạo tình giữa Tăng già và Cư sĩ

Có thể nói **phong trào chấn hưng Phật Giáo Việt Nam** đầu thế kỷ 20 khởi đầu trong sự trăn trở của một số các bậc trưởng tử Như Lai, đã chịu thương chịu khó, lặn lội từ thành thị đến vùng quê vận động, thuyết phục, kết nạp nên mối đạo tình giữa Tăng già và hàng Cư sĩ Phật tử trí thức trong Phật sự chung.

Phong trào phát xuất từ miền Nam VN trong thập niên 20 do các Ngài **Khánh Hòa - Chùa Tuyên Linh** **tỉnh Bến Tre**, **Hòa Thượng Chí Thiền** **chùa Phi Lai** tại **Châu Đốc**, **Hòa Thượng Khánh Anh - chùa Long An**, **Trà Ôn** tại **Cần Thơ**, **Hội Nam Kỳ** nghiên cứu **Phật học** - **chùa Linh Sơn - Sài Gòn**, **Liên Đoàn Học Xã** là một học đường lưu động vào năm 1933, **Hội Phật Học Lương Xuyên**, 1935 tại **Trà Vinh**.



Công Tam Quan chùa Khánh Anh mới Evry và Chánh Điện trước con đường Quốc Lộ N7.

Miền Trung có các bậc Tăng già thạc đức như : **Quốc sư Phước Huệ - chùa Thập Tháp** tại **Bình Định**, **Hòa Thượng Giác Tiên** thành lập **Phật học đường Trúc Lâm - Huế**, **Phật học đường Báo Quốc** (1935), **Hội An Nam Phật Học** đặt tại **chùa Từ Đàm - Huế**. **Phật học đường Tây Thiên - Huế**, **Phật học đường Diệu Đức** đào tạo **Ni chúng** tại **Huế**. **Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám** là nhân tố hàng đầu trong giới Phật tử trí thức miền Trung, đã sát cánh cùng sơn môn tích cực dấn thân phục vụ đạo pháp, đưa cao trào Phật giáo Miền Trung trên đà tiến triển vô cùng thuận lợi. Uy tín của Phật Giáo bắt đầu phục hồi, và các phong trào học Phật của thanh thiếu niên ra đời; rồi dần tiến tới thành lập **Gia Đình Phật Tử**.

Miền Bắc có các cơ sở và các bậc tôn đức như :

- **Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội** đặt tại **chùa Quán Sứ**, **Hà Nội**.
- **Chùa Bồ Đề** đào tạo **Ni chúng**.
- **Chùa Bát Tháp** đào tạo **Ni chúng**.

Hòa Thượng Thanh Hanh tức tổ **Vịnh Nghiêm**, **HT Tuệ Tạng**, **HT Mật Ứng**, **HT Thanh Át**, **HT Trung Thủ**, **HT Doãn Hà**, **HT Mật Thể**... là những nhân tố đầu tiên tích cực của Phong trào.

II- Các cơ quan ngôn luận

Truyền thông là phương tiện truyền bá Phật Pháp hữu hiệu trong mọi thời đại, nhất là thời hiện đại của thế kỷ 20 này.

1. **Tạp chí Pháp Âm** do HT Khánh Anh chủ xướng 1920.

2. **Phật hóa tân** **Thanh niên** nhằm cổ vũ giới thanh niên Tăng Ni và Phật tử học Phật.

3. **Tạp chí Bát Nhã Âm** do HT Huệ Đăng chùa Thiên Thai thành lập năm 1931.

4. **Tạp chí Từ Bi Âm** do Nội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học chủ trương, số ra mắt ngày 1.1.1932 tại Sài Gòn.

5. **Tạp chí Duy Tâm Phật Học** do Hội Lưỡng Xuyên Phật Học chủ xướng năm 1934.

6. **Tạp chí Viên Âm** do Hội An Nam Phật Học chủ trương năm 1934, do Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, chủ nhiệm kiêm chủ bút.

7. **Tạp chí Đuốc Tuệ** do Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội, chủ trương xuất bản số đầu tiên 10.12.1935.

8. Tạp chí Bồ Đề Tân Thanh.

9. Tạp chí Tiếng Chuông Sớm...

Từ 1920 đến 1935 có hàng chục tờ tạp chí - cơ quan ngôn luận của Phật Giáo trên toàn cõi Việt Nam.

Nhờ đó, người Phật tử có cơ duyên học Phật và đến với đạo tự nhiên mà không cảm thấy xa lạ, cách biệt như trước nữa. Trong số đó, Từ Bi Âm, Duy Tâm và Đuốc Tuệ là 3 tờ báo đại diện của 3 miền Nam-Trung-Bắc duy trì liên tục đến hàng chục năm rất có uy tín, nên được các nhà nghiên cứu Phật học và giới trí thức lưu tâm tìm đọc, cộng tác viết bài. **Đặc biệt chúng tôi còn lưu trữ đủ bộ Từ Bi Âm từ số phát hành đầu tiên 1.1.1932 đến số 121 ấn bản 1.1.1937.** Người sáng lập là Cư sĩ Phạm Ngọc Vinh; chủ nhiệm HT Chánh Tâm và Chánh Phó chủ bút HT Bích Liên và HT Liên Tôn.

III- Cuộc đời Hòa Thượng Khánh Anh (1895-1961) gắn liền với phong trào chấn hưng Phật giáo Hòa Thượng họ Võ tên Hóa, pháp danh Chơn Quy, hiệu Khánh Anh, người làng Phổ Nhì, huyện Mô Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngài xuất gia năm 21 tuổi (1916) với Hòa Thượng Án Tịnh, hiệu Hoằng Thanh ở chùa Cảnh Tiên tại 12 Viên Giác 209 tháng 10 năm 2015 Quảng Ngãi, thuộc Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 39 thế hệ thứ 6. Năm 1917, Ngài nhập chung tu học ở chùa Quang Lộc trong tỉnh và thọ Sa Di cùng năm với pháp tự Đạo Trần. Vốn sẵn cơ bản Hán học nên Ngài học Phật học rất mau chóng và nổi tiếng lúc còn là thanh niên tăng.

Do vậy, năm 1927 Ngài được mời vào Nam dạy lớp gia giáo tại chùa Giác Hoa tỉnh Bạc Liêu. Sau đó, Ngài dạy tại các chùa Hiền Long (Vĩnh Long năm 1928) chùa Thiên Phước (Tân An), Linh Phong (Tân Hiệp), Long Hòa (Trà Vinh). Năm 1931, Ngài nhận trụ trì chùa Long An tại Cần Thơ. Năm 1941, HT được mời về trụ trì chùa Phước Hậu tại Trà Ôn, nơi đây Ngài cùng các vị HT Khánh Hòa, Huệ Quang và Pháp Hải thành lập Liên Đoàn Học Xã giảng dạy ở Phật học đường Lưỡng Xuyên tại Trà Vinh.

Ngài cũng là cây bút chủ lực của tạp chí Duy Tâm với nhiều bài về Phật học được nhiều độc giả thích tham khảo. Sau khi đã về trụ trì chùa Phước Hậu, Ngài vẫn phụ trách giảng dạy nhiều lớp Phật học khắp các tỉnh miền Nam. Sau năm 1945, Ngài lui về nhập thất ẩn tu suốt 10

năm tại chùa Phước Hậu, chuyên tâm phiên dịch kinh điển và soạn thảo bài giảng giáo lý. Những dịch và tác phẩm của Ngài như :

- *Khánh Anh văn sao 3 tập do Ngài sáng tác*

- *Hoa Nghiêm nguyên nhân luận*

- *Nhi khóa hiệp giải*

- *Duy thức triết học*

- *Quy nguyên trực chỉ*

- *25 bài thuyết pháp của Thái Hư Đại Sư v.v...*

Năm 1955, Ngài được cung thỉnh chứng minh đạo sư của Hội Phật Học Nam Việt, rồi được suy tôn lên ngôi Pháp Chủ, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt Nam năm 1957 để lãnh đạo Phật Giáo Miền Nam. Năm 1959, Ngài được Giáo Hội Tăng Già toàn quốc kỳ 2 đại hội tại chùa Ân Quang, suy tôn lên ngôi Thượng Thủ năm cương lãnh cầm vận mạng Phật Giáo Việt Nam. Từ đó, Ngài về ở Phật học đường Ân Quang để cầm cương lãnh đạo cuộc hoằng pháp và tiếp tục sự nghiệp văn hóa cho đến cuối đời.

Năm 1961, biết cơ duyên nghiệp hóa đồ chúng sắp mãn, Ngài về thăm lại chùa Long An xưa, và rời viễn tịch ở đây vào ngày 16.4.1961, thọ 66 tuổi và 45 tuổi đạo. Cuộc đời của Hòa Thượng là một tấm gương sáng để bốn chúng Phật tử học hỏi noi theo công hạnh hoằng pháp, nhất là phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Miền Nam VN trong thập niên 1930.

Ngài là một trong số 6 cột trụ của Liên Đoàn học xã như Tổ Khánh Hòa (Bến Tre), Tổ Huệ Quang (Tiểu Cần), Tổ Pháp Hải (Vĩnh Long), Tổ Chánh Tâm (Trà Ôn), Tổ Viên Giác (Bến Tre)

... và Phật tử bốn đạo của các chùa trên. Nhờ công đức của Ngài làm nhân tố tích cực đẩy mạnh phong trào học Phật đi lên, và chính các Ngài lèo lái con thuyền Phật pháp tới bến thanh lương. Nối chí Thầy Tổ, vào thập niên 1950, một nhân vật hoằng pháp sáng giá lúc bấy giờ Hòa Thượng Thiện Hoa cũng nỗ lực dẫn thân đem đạo vào đời mà sự nghiệp đồ sộ qua công trình hoằng pháp vô cùng sâu rộng và lợi lạc của Ngài. Nay còn lưu lại bộ *Phật Học Phổ Thông* làm kim chỉ Nam cho người học Phật vậy.

IV. Phong trào chấn hưng Phật Giáo 50 năm (1920-1970)

Sách 50 năm chấn hưng Phật Giáo Việt Nam, ở phần đầu HT Thích Thiện Hoa viết như sau :

"*Vì thấy sự suy đồi xuống dốc tột mức của Phật Giáo Việt Nam mà đau lòng, đồng thời nhờ ảnh hưởng phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Hoa, do báo Hải Triều Âm cổ xúy, nên bắt đầu từ năm 1920, chư tôn Hòa Thượng Trưởng Lão, chư Thượng Tọa, Đại Đức hợp lực cùng một số Phật tử Cư sĩ nhiệt tâm với đạo, bắt đầu lo việc chấn hưng Phật giáo, như mở các trường gia giáo để đào tạo tăng tài và giảng diễn pháp cho tín đồ Phật tử tại gia".*

Những nhân vật **chủ yếu sáng lập Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học** gồm chư vị Hòa Thượng : *Khánh Hòa, HT Trí Thiền, HT Từ Phong, HT Huệ Quang, HT Chánh Quả, HT Thiện Dư*. Và những Cư sĩ hàng đầu như : Ông Trần Nguyên Chấn, ông Nguyễn Văn Cản, ông Huỳnh Văn Huyền, ông Trần Văn Khuê, ông Phạm Ngọc Vinh, ông Nguyễn Văn Nhơn, ông Lê Văn Phổ.

Những nhân vật hàng đầu của **hội Lưỡng Xuyên Phật Học** Trà Vinh năm 1935 như : HT Huệ Quang, Chánh Tống Lý, HT Từ Phong Đại Đạo Su, HT An Lạc chánh Hội trưởng, HT Khánh Anh, Pháp sư hay Giáo Thợ sư, HT Pháp Hải Vĩnh Long, HT Liên Tri, Viên Giác - Bến Tre, HT Kim Hué, Vạn An, Bửu Chung - Sa Đéc, HT Giác Hải - Chợ Lớn. Về phía Cư sĩ có quý ông : Huỳnh Thái Cửu, Ngô Trung Tín, Trần Văn Giác, Phạm Văn Liêu, Thái Phước, Thái Khánh, Lữ Long Giao, Nguyễn Văn Khoe, Phạm Văn Luông, Trần Thèn, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Thọ, Trần Huỳnh (Chủ bút tạp chí Duy Tâm tại Sa Đéc). Tại Sài Gòn, ông **Đoàn Trung Còng** cũng chủ trương phiên dịch, sáng tác xuất bản kinh sách Phật một số đáng kể.

Miền Trung, Hội An Nam Phật Học đặt tại chùa Từ Đàm năm 1932 tại Huế, những vị sáng lập như : Tổ Giác Tiên, chùa Trúc Lâm, Bác sĩ Tâm Minh Lê Định Thám. Về sau có Hội Phật Học Trung Việt (1934). **Hội thành lập Gia Đình Phật hóa Phổ** đầu tiên - là tiền thân của Gia Đình Phật Tử, và cũng lập trường Bồ Đề trước nhất so với các tỉnh trong toàn quốc. Bên Tăng già còn có các Ngài : Quốc sư Phước Huệ, Pháp sư Phổ Huệ, HT Tịnh Khiết, Thiền Tôn, Trúc Lâm, Tây Thiên, Từ Hiếu, Trà Am, Mật Khê, Quy Thiện, Đôn Hậu, Mật Nguyễn, Mật Hiển, Trí Thủ, Mật Thể. Phía Cư sĩ còn những vị nhiệt tâm như : Trí Độ, cụ Chơn An Lê Văn Định, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Khoa Toàn, Hoàng Mộng Lương, Võ Đình Dung, Võ Đình Thụy, Nguyễn Văn Tiếng, bà Cao Xuân San tức sau này là Sư bà Diệu Không, bà Ung Úy v.v...

Viên Giác 209 tháng 10 năm 2015
13 Phật giáo tại Bình Định và Đà Nẵng
có những bậc thạch trụ : Quốc sư

Phuoc Huệ chùa Tháp Tháp (1920-1945), **Pháp sư Phổ Huệ** (1920-1935), **Pháp sư Bích Liên**, **Liên Tôn**, **Trí Độ** (1930-1950), **HT Vĩnh Khánh** (san bản và ấn hành các kinh điển nghiên cứu Phật học). Ngoài ra, cũng có những Cư sĩ hữu công như các ông : **Nguyễn Mạnh Trừng**, **Phan Thanh Khuyển**, **Lê Tú Oanh v.v...**

Miền Bắc, Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội thành lập năm 1934 tại chùa Quán Sứ - Hà Nội gồm có các nhân vật hàng đầu : **Tổ Vĩnh Nghiêm**, **HT Tuệ Tạng**, **Thượng thủ Giáo Hội Tăng Già toàn quốc nhiệm kỳ thứ nhất**, **HT Mật Ứng**, **Pháp chủ Phật Giáo Bắc Việt**, **HT Thanh Ất**, **HT Trung Thủ**, **HT Doãn Hà v.v...** Phía Cư sĩ có các ông : **Hoàng Trọng Phu**, **Nguyễn Năng Quốc**, **Thiều Chửu**, **Bùi Kỷ**, **Dương Bá Trạc**, **Trần Trọng Kim** (Lệ Thần), **Nguyễn Can Mông**, **Nguyễn Trọng Thuật**, **Phan Kế Bính**, **Lê Toại**, **Bùi Thiện Cẩn**, **Bùi Thiện Cơ**, **Văn Quang Thùy**, **Nguyễn Xuân Chữ**, **Nguyễn Huy Xương**, **Nguyễn Gia Tường v.v...** và hàng trăm những nhà trí thức văn sĩ, học giả, sử gia, kiến trúc sư, nhạc sĩ, thi sĩ... đã tích cực đóng góp cho phong trào chấn hưng Phật Giáo Việt Nam nhiều thập niên qua.

V. Phật Giáo VN Hải Ngoại Sau khi Cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam ngày 30.4.1975, làn sóng người Việt tỵ nạn ra hải ngoại lên tới hơn 2 triệu người. Trong số đó đa phần là Phật tử đã có mặt tại hầu khắp các quốc gia tự do trên thế giới. Tính tới nay sau gần 4 thập niên, số Tăng Ni ra nước ngoài độ 700 vị và khoảng hơn 1 triệu 500 ngàn tín đồ Phật giáo định cư khắp 5 châu trong thế giới tự do.

Đây là cơ hội tốt nhất để giới Tăng già học hỏi văn minh của thời đại hầu ứng dụng vào môi trường hoằng pháp được hiệu quả thích nghi. Có thể nói trong cái dở cũng có cái hay là Phật giáo vốn dĩ nghèo nay được xuất ngoại khỏi phải tốn kém như trước kia, là một lợi thế vô cùng to lớn, chúng ta phải tận dụng thật đúng mức để Phật pháp được phổ cập hay truyền bá sâu rộng vào lòng các xã hội tân tiến. Như Phật giáo Tây Tạng, Nhật Bản, Thái Lan, Tích Lan, Đài Loan... đã và đang vận dụng hết sức trong công cuộc tuyên dương giáo pháp Phật Đà, thì Phật Giáo Việt Nam hải ngoại cũng phải góp phần tích cực trong vai trò hoằng pháp này.

Hai giới Tăng già và Cư sĩ Phật giáo Việt Nam nên tích cực suy nghĩ thêm chút nữa để cho PGVN có cơ duyên hội nhập vào nước sở tại nơi chúng ta định cư.

Và chúng tôi xin thử nêu lên một vài đề nghị :

1. Lập phong trào học Phật ngày cuối tuần, cũng như khuyến khích con em theo học các lớp Phật pháp cơ bản.

2. Mở viện nghiên cứu, đào tạo giảng viên Phật học độ chừng 3 trung tâm tại Âu châu, Mỹ châu và Úc châu. Lập Ban bảo trợ, Ban giảng huấn... cho chương trình giáo dục dài hạn quan trọng này.

3. Ban phiên dịch Tam Tạng, kết nạp các học giả Phật học, thành phần trí thức có khả năng và điều kiện đóng góp nhân tài, vật lực và trí tuệ đầu tư vào lãnh vực chuyên môn này.

4. Cho Phật tử xuất gia gieo duyên ngắn hạn. Sau đó họ có thể tiến tới thực thụ xuất gia tu học để có nhân tài duy trì Phật pháp trong tương lai, khi lão trưởng bối không còn nữa, sẽ có người tiếp nối sứ mạng kế thừa.

Vẫn biết một con én không làm nên mùa xuân, nhưng nếu chúng ta không chịu bắt tay vào Phật sự thì đến bao giờ mới thực hiện được ? Nhìn lại các bậc Thầy Tổ của chúng ta gần 100 năm trước, lúc đầu đe xướng phong trào Phật học cũng gặp muôn vàn khó khăn thử thách, nếu không muốn nói có lúc quý Ngài phải hạ mình chịu đựng với sự nhẫn耐 kiên trì. Mong rằng mỗi vị xuất gia là một cây hoằng pháp, để cung cố và phát triển ngôi nhà Phật pháp tỏa rạng khắp nhân gian trong thời đại thông tin toàn cầu của thế kỷ văn minh tân tiến ngày nay.

Nhìn vào thực tế chúng ta thấy được những trở ngại trước mắt. Thứ nhất : **Khả năng ngoại ngữ của chư Tăng Ni không nhiều nên việc làm đạo có phần giới hạn với người bản xứ.** Thứ nhì : **Chùa chiền tự do thành lập quá nhiều nên bị chỉ phái không ít về nhân sự và tài chính để dốc sức vào việc phát triển Phật sự.**

Kính cảm ơn chư Tôn Đức và quý vị thiện hữu tri thức đã theo dõi phần trình bày trên mà chúng tôi muốn chia sẻ với quý Ngài, cùng quý vị để ngỏ hầu tìm ra được giải pháp thích nghi. Mong thay được nhiều người ưu tư và dân thân vào phạm vi giáo dục, tác giả xin nguyện dâng hiến quang đời còn lại, nếu có được sự đồng tình của những pháp hữu đồng quan điểm.

*Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma ha tát
Hòa Thượng Thích Bảo Lạc*

Tài liệu tham khảo :

- *Danh Tăng Việt Nam quyển 1* Thích Đồng Bổn soạn ấn hành 1996 tại Sài Gòn.

- *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế* Chúc Thánh, Thích Như Tịnh, XB Phương Đông, SG 2009.

- *50 năm chấn hưng PGVN*, HT Thiện Hoa, Phật Học Viện Quốc Tế HK ấn hành năm 1987.

- *Tiểu sử Tổ Khánh Anh* do Tổ đình Lưỡng Xuyên ấn hành năm 2000.

- *Huệ Quang Phật học đại từ điển* do HT Minh Cảnh chủ trì.

- *Ấn Độ trăm mặc* của Thích Bảo Lạc, Pháp Bảo xb 2010.

- *Mùi tràm hương* của Nguyễn Tường Bách, nxb Tre-Sài Gòn 2000.



Ngày Chủ Nhật 15/11/2015, buổi lễ cầu siêu hàng tuần cúng Hậu và chư Tiên linh. Hòa Thượng Thích Tánh Thiết làm lễ ruột chư hương linh thổ tại chùa Khánh Anh Bagneux nhập tự về chùa Khánh Anh mới Evry vào ngày mùng 5/8/2015.

Thư viết cho Thầy

(Kính dâng lên cố Ân Sư - Hòa Thượng
Thích Minh Tâm)

Năm nay tôi không đủ duyên để tham dự **khóa huấn luyện liên trại A Duc - Lộc Uyển** dành cho huynh trưởng, lồng trong **khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25 tại Turku / Phần Lan**. Và như thế... có nghĩa là tôi đã mất đi cơ hội được gặp mặt **Sư Ông HT Thích Minh Tâm** lần cuối. Một vị Ân Sư mà cá nhân tôi đã thọ ơn Ngài rất nhiều trên con đường tu học trở thành một Phật tử đạo hạnh tốt, một huynh trưởng **Bi Trí Dũng** đầy đủ để hướng dẫn các em đoàn sinh **Gia Đình Phật Tử** ngày càng tinh tấn cả hai mặt **đức hạnh và tài trí**. Dù ở hải ngoại, nhưng các em không quên những tập tục truyền thống của người VN. Để giữ nền văn hóa đó, bắt đầu từ việc đến Chùa học chữ Việt.

Bởi một khi tha hương nơi xứ người nếu "**tiếng Việt còn, người Việt còn**".

Tiếp theo những sinh hoạt tập thể: **ca hát, thủ công, nữ công, gia chánh, trò chơi...** đã lôi cuốn các em ngày càng thích thú và ghi danh theo học càng đông. Sự thành công này, không thể tách rời ra khỏi phạm trù của tôn giáo.

Vâng, đúng vậy ! Nhờ ơn chư Phật gia hộ, nhờ ơn các bậc tôn Sư giảng dạy đem Đạo Pháp đến gần chúng con, nhờ ơn các Phu huynh đã không ngại đường xa, trời mưa, gió, tuyết... để đưa con em đến Chùa vào những chiều Chủ Nhật (*hai lần/tháng*). Ngoài ra các em có hai hay ba lần huân tu trong năm để học Phật pháp, tiếng Việt và ăn, ngủ tại Chùa. Đây cũng là cách tập cho các em hiểu biết và tiếp cận về đời sống cũng như sinh hoạt tập thể và quan trọng nhất là huấn luyện các em biết tự chăm sóc mình, biết sống nhường nhịn, thương yêu nhau theo tinh thần lục hòa mà Đức Phật đã dạy :

- **Thân hòa - Khẩu hòa - Ý hòa - Giới hòa - Kiến hòa - Lợi hòa.**

Đối với người Việt thì Phật Giáo được xem như là văn hóa Việt Nam kể sau khi du nhập từ Ấn Độ, bắt đầu từ thời **Đinh, Lê, Lý, Trần** và trải qua bao thăng trầm trong lịch sử từ lúc sáng lập, khi phồn thịnh, lúc suy yếu và kể từ khi chấn hưng cho đến ngày nay có biết bao thăng trầm trong lịch sử... Đặc biệt, vì hoàn cảnh chính trị của đất nước mà người Việt Nam sau ngày **30 tháng 4 năm 1975** phải tản

lạc khắp năm châu bốn biển. Mặc dù như thế, nhưng khi người con Việt dù đang ở bất cứ nơi đâu vẫn đem theo bên mình cái nền tảng đạo đức văn hóa truyền thống Việt Nam được tiềm tàng trong nếp sống của người Phật giáo.

Bởi "**Mái Chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tông**".

Chân lý ấy vĩnh viễn trường tồn !

Trên xứ Pháp hầu như mỗi tỉnh đều có Chùa (*lớn hay nhỏ tùy hoàn cảnh và sự góp của, góp công xây dựng của Phật tử địa phương*). Và như thế không có nghĩa là Chùa nào cũng đều có một vị Tôn Sư (*Tăng, Ni*) làm trụ trì, các Chư Tôn Đức đa số đều cao niên và không có nhiều. Vì thế, mỗi khi Niệm Phật đường, Chùa nào cần thì các Ngài liền cố gắng sắp xếp Phật sự địa phương mình để đến chứng minh hay làm chủ lễ cho các ngày lễ lớn của Phật giáo, hay lễ quy y, lễ truyền giới... Các nước ở phương Tây rộng lớn đến thế, mà các Ngài vẫn không màng nghĩ đến thân, luôn bôn ba hành đạo, đem giáo lý Phật đến khắp mọi nơi trên toàn châu Âu, ánh sáng nhiệm màu của Đức Như Lai ngày càng tỏa rạng khắp bầu trời Âu Tây.

**Công đức ấy to lớn đường nào !
Phật tử chúng con nguyện trọn đời ghi nhớ !**

Trong hàng Chư Tôn Đức mà tôi quý kính, có một vị khiến cho tôi cảm phục nhất về đạo hạnh của Ngài, Ngài chính là :

- **Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm**
- **Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống
Nhất Âu Châu**
- **Viện Chủ chúa Khánh Anh Pháp
quốc.**

Ngài là vị Ân Sư của tôi, của đa số Phật tử địa phương cũng như Âu châu và Ngài cũng chính là người đã cho rất nhiều ý kiến, kinh nghiệm và hướng dẫn từ **Niệm Phật Đường Phổ Hiền** từ lúc ban đầu nhiều khó khăn chưa đủ điều kiện mua đất, phải mượn hầm, mượn trụ sở của **Hội Thân Hữu...** đến khi mướn được rồi mua nhà để các Phật tử có chỗ để đến lễ Phật và tu tập, cho đến nay ngót trên hai mươi năm và mái Lam tự Phổ Hiền đã hình thành và phát triển ngày càng mạnh, được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, họ đã cho đất ở một vị trí và khuôn viên thoáng mát rộng rãi hơn nhiều. Mọi người đều đang vui mừng dự tính sắp tới sẽ xây ngôi Chùa Phổ Hiền lớn hơn,

có phòng học lớn, có sân rộng cho các em đoàn viên Gia Đình Phật Tử sinh hoạt thoải mái hơn. Sư Cô trụ trì và Phật tử chúng tôi vẫn còn đang rất cần Ngài. Cách đây khoảng ba tháng, Ngài về chứng minh và chủ lễ cầu nguyện cho miếng đất mới, dự tính tháng 9 này Ngài sẽ về nữa cho ngày đặt viên đá đầu tiên.

Thế nhưng...

Kiếp phù sinh cuộc đời trần thế
Chuyện đến - đi ai đó hay tường
Tử quy - Sinh ký Vô thường !
**Sáng vui hạnh phúc chiều vương
nỗi sầu.**

Thật vô cùng bất ngờ và đau lòng trước sự ra đi đột ngột của Ngài, sau khi khóa Tu Học Phật Pháp Âu châu thứ 25 tại Turku/Phần Lan vừa hoàn mĩ. Mặc dù đang nhập viện, Thầy vẫn ráng xin về để chứng minh và ban Pháp nhũ, khích tấn toàn Phật tử siêng năng tinh tấn tu tập hơn nữa và hẹn gặp nhau ở khóa học thứ 26 năm 2014 tại Thụy Sĩ. Vậy mà... sau khi Chư Tôn Đức Tăng Ni, Phật tử đang trên đường trở về trú xứ của mình thì hay tin chẳng lành, hỏi ai mà nén được cảm xúc, lệ càng ngăn càng chảy mãi, nghĩ mà càng trân quý thương yêu Thầy nhiều hơn...

**Thân gầy sức yếu không màng
Đau cần Thầy đến nhủ ban Pháp từ
Sau khóa Phật Pháp Turku
Thầy như chiếc lá mùa Thu lìa
cành.**

Và dấu cho...

**Thân từ dại Người đã buông bỏ hết
Nhưng anh linh vẫn sáng ngời ngời
Trong tâm như có ngọn đuốc sáng
soi**

**Hướng dẫn chúng con trên đường
tu tập.**

Vừa rồi trong khóa tu học Phật pháp của huynh trưởng Âu châu trên Paltalk, nghe những lời chia sẻ của Thầy phó tổng vụ trưởng GĐPTVN /AC - Đại Đức Thích Phá Quang, Thầy kể lại trong những ngày làm thi giả cho Sư Ông tại bệnh viện ở Turku/Phần Lan đâu có ngờ đó là lần cuối cùng. Chúng tôi không thể nào ngăn dòng lệ bởi quá cảm kích tấm lòng thương yêu của Ngài đối với Phật tử Âu châu.

**Trên giường bệnh vẫn cầu kinh
Mong cho Phật tử tâm bình thân an
Trở về trú xứ yên toàn
Còn Thầy theo gió mây ngàn ngao
du**
Thân từ đại cõi phù du

*Giống như chiếc lá mùa Thu lìa
cành*

Từ nay Lam tự Khánh Anh

*Các chùa Pháp quốc vắng hanh
bóng Thầy.*

Và hàng Phật tử trời Tây

*Ngậm ngùi tiễn biệt hồn Thầy cao
đẳng*

Nén lòng thầm nhủ cố ngăn

Mà sao lẻ mãi cứ lăn tuôn dòng...

Thầy ơi, Thầy có biết không ??! Con hoài mãi nhớ, không thể nào quên những lời Thầy khuyên dạy khi nhìn Thầy đơn vị của chúng con chỉ lèo tèo hai, ba huynh trưởng mà đoàn sinh thì rất đông, sợ chúng con mệt mỏi rồi nản chí nên Thầy khuyên dạy : "Hãy ráng lên nhen, lo cho các em Oanh vũ ngày càng tốt hơn, làm sao để chúng luôn lưu luyến và đến Chùa, phải cố giữ đứng đẽ khi các cháu lên đến bậc Tung Bay là tui nó bay đi luôn..." (nói xong Thầy vừa cười vừa xoa đầu từng em Oanh vũ).

Nhớ có lần Thầy về chứng minh và thuyết pháp nhân dịp Rằm Thượng Nguyên, các em Oanh vũ đồng quỳ dâng lễ và cúng dường Sư Ông, Thầy hỏi : "tịnh tài này ở đâu mà các con có ?" các em đồng thanh "Da mình đi múa Tết" câu nói ngây thơ của các em khiến cho Thầy và cả đạo tràng cười ha hả...

*Âm ba lời từ huấn như vẫn còn đây
! Thế mà...*

Biết nói gì hơn khi lời đã nghẹn, bên giác linh Ân Sư tôi quỳ Niệm Phật cầu nguyện hương linh Thầy mau về cõi Tịnh Độ và tiếp tục phổ độ chúng sinh như hạnh nguyện mà Thầy đã làm trong suốt cả cuộc đời

kể từ khi xuất gia cho đến giây phút cuối cùng.

Và rồi đây, sắp tới mỗi hàng năm đến ngày rằm Thượng Nguyên hàng đệ tử chúng con và các em đoàn sinh Gia Đình Phật Tử sẽ không còn được nghe tiếng nói, tiếng cười, thấy bóng Thầy ra vào chùa Phổ Hiền nữa... dù biết không có Thầy thì vẫn có quý chư Tôn Đức khác đến chứng minh và chủ lễ nhưng mà... làm sao thay thế hình ảnh, lời từ của Thầy ở trong tâm trí của chúng con.

**Đề báu đáp ơn Thầy, con nguyện sẽ
cố gắng đem hết tài sức mình đang có
để phục vụ, dùi dắt các em đoàn sinh
Gia Đình Phật Tử Phổ Hiền ngày càng
tinh tấn, số lượng càng tăng và phẩm
lượng càng vững bền trở thành những
con ngoan, trò giỏi, đoàn sinh Gia Đình
Phật Tử VN tinh tấn và tương lai sẽ là
những huynh trưởng yêu nghề, yêu trẻ
đầy đủ BI - TRÍ - DŨNG tại Strasbourg
cũng như ở Pháp quốc và Âu châu như
Thầy hằng mong mỏi khi còn hiện tiền.**

Mong sao khi các em trưởng thành sẽ nối tiếp con đường mà các Sư trưởng, Huynh trưởng tiền bối cũng như hiện tại đã hy sinh, dốc hết tâm trí cả cuộc đời để gầy dựng, gìn giữ và phát triển Đạo Phật rộng khắp mọi nơi. Con hy vọng từ cõi phương Tây nhìn xuống, Thầy ắt hẳn được vui lòng khi nhìn hàng hậu bối đang tiếp nối hạnh nguyện của Thầy.

Hương Sen Trắng ngát trời Âu

*Tình Lam thăm thiết nhiệm màu
làm sao*

Dây thân ái đã kết trao

Một đời giữ mãi không bao giờ tàn.

Song Phượng-Diệm Đạo _ Phổ Hiền-Pháp

**PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THỐNG NHẤT LIÊN CHÂU VÀ PHẬT
GIÁO ĐÀI LOAN CỨU TRỢ ĐỘNG ĐẤT
TẠI NEPAL - LẦN THỨ 2**

(tiếp theo trang 25)

Thông qua chuyến đi, ai ai trong Phái đoàn cũng nhận chân ra được thực trạng khổ đau của người dân xứ Nepal qua định luật nhân quả nghiệp báo mà họ đã gây ra và chiêu cảm từ sự sát hại loài vật, vì vậy mà họ phải trả những nghiệp báo khổ đau này. Đồng thời, từ những nỗi đau khổ trên, chúng ta mới thấy rõ vì sao Đức Phật phải thị hiện ở nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ, xứ Ấn Độ cổ đại, nay thuộc xứ Nepal, cách đây hơn 2.600 năm. Trước khi Ngài thị hiện, khi còn là một vị Bồ tát có tên là Hộ Minh từ trên cung trời Đâu Suất giáng trần, Ngài đã thấy rõ được chúng sanh ở nơi đây tạo nghiệp như thế nào. Do vậy, sự thị hiện của Đức Phật cũng không ngoài mục đích cứu khổ, ban vui cho chúng sanh trong thế giới ta bà đầy đau khổ này.

Vào một buổi sáng, khi mặt trời vừa ló dạng trên đỉnh núi tuyết Everest cao ngất trời xanh và thủ đô Kathmandu, muôn người còn đang say sưa trong giấc ngủ sau những ngày lễ trọng đại của xứ Nepal, đó chính là lúc Phái đoàn chuẩn bị chia tay để trở về nơi trú xứ của mình. Nhìn cảnh vật thật đau buồn của buổi ban mai, với những ngôi nhà còn đổ nát chưa được xây dựng lại, khiến cho lòng của mọi người trong Đoàn đi cứu trợ không sao tránh khỏi se thắt, bùi ngùi trước cảnh vật vô thường thay đổi của cuộc đời. Trên chuyến xe bus trên đường từ khách sạn Hamalaya, thành phố Patan đến phi trường Quốc tế Tribuvan, Kathmandu, mọi người có cơ hội chia sẻ những cảm nghĩ của mình về chuyến đi uỷ lạo lần này, ai ai trong Đoàn cũng đều mang cảm nghĩ giống nhau về cảnh sống của các nạn nhân trong các căn lều tạm cư của những ngày tháng lập Đông ở xứ Nepal giá lạnh. Những luồng gió lạnh thổi về từ dãy núi Hy Mã Lạp Sơn xuyên qua khe hở của các cửa sổ trên xe bus đã làm cho tôi bùi ngùi và cảm thấy thương cảm cho những nạn nhân xấu số trên quê hương Đức Phật - Nepal vùng núi Hy Mã Lạp Sơn tuyết lạnh. Thầm nguyện cầu mười phương chư Phật gia hộ cho những người dân nơi này sớm thoát khỏi cảnh tang thương, biếng hướng về Tam Bảo để tu thân hành thiện, hầu mong có được cuộc sống an lành và giải thoát.

Thích Thông Hải tuồng thuật



Sống theo lý tưởng Bồ tát

Trong đạo Phật có hai tư trào, hai xu thế tựa hồ như mâu thuẫn nhau, nhưng thật ra thì bổ sung hỗ trợ cho nhau; cả hai tư trào đó đều có ý nghĩa đối với cuộc sống của con người hiện đại.

Thứ nhất là **tư trào hướng nội, quay trở về cái mà đạo Phật thường gọi là bộ mặt thật xưa nay của chính mình, con người thật của mình.**

Thứ hai là **tư trào hướng ngoại, mà sách Phật thường gọi là lợi hạnh độ sanh. Lợi hạnh là làm tất cả mọi điều lợi ích cho tất cả mọi loài hữu tình. Độ sanh là giải thoát mọi loài hữu tình khỏi mọi nỗi bất hạnh, đặc biệt là nỗi bất hạnh lớn lao nhất là sống chết luân hồi. Thực chất của tư trào hướng ngoại này là đồng nhất cá nhân mình với toàn thể mọi người, mọi chúng sinh trong thế giới vũ trụ.**

Cả hai xu hướng nói trên tiêu biểu cho hai hạnh lớn của đạo Phật là trí tuệ và từ bi, và đức Phật là bậc Thánh được Phật tử toàn thế giới ca ngợi, tôn sùng như là thể hiện một cách hoàn hảo nhất hai đức hạnh trí tuệ và từ bi đó.

Tôi xin lần lượt phân tích cặn kẽ hơn hai xu thế của đạo Phật, mà tôi tin rằng có một giá trị hiện sinh lớn (*great existential dimension*) đối với thời đại hiện nay của chúng ta.

1. Xu thế hướng nội : Quay về con người thật của chính mình.

Chúng ta có thể suy nghĩ gì về cuộc sống thác loạn, chạy theo lạc thú vật chất đang là đặc trưng nổi bật của những xã hội có trình độ văn minh vật chất cao, và cả của những xã hội đang phát triển, nhưng bị nền văn minh đó làm cho mê hoặc và chói lòa ? Có sức mạnh sâu kín gì nằm ở đằng sau những tệ nạn xã hội như ma túy, tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên, mãi dâm, loạn dâm và bạo dâm, đồng tính luyến ái, bệnh tâm thần, nạn tự sát cá nhân hay tập thể v.v... ? Ở đằng sau tất cả nếp sống thác loạn đó là xu thế của con người bất hạnh muốn thoát khỏi cái ta hạn hẹp và vị kỷ, muốn thoát khỏi một tâm trạng bất an và ưu tư dai dẳng, thường trực mà tiếng Anh gọi bằng danh từ chung là anxiety. Nhưng vì sao lại có tâm trạng bất an và ưu tư thường trực đó mà con người hiện đại muốn tìm sự lảng quên trong nếp sống thác loạn, đôi khi mất cả tính người.

Phải chăng là con người tưởng rằng, vì nội tâm đầy ưu tư và buồn chán, cho nên phải hướng ra bên ngoài để tìm lạc thú vật chất ? Phải chăng con người tưởng rằng càng chiếm hữu nhiều của cải và tiện nghi vật chất, con người sẽ càng được thêm hạnh phúc, mọi nỗi ưu tư trong nội tâm sẽ được xóa bỏ.

Áo tưởng này đâu có mới mẻ mà có tính muôn thuở ở **Ấn Độ cổ đại, đã** từng có triết phái **Duy vật** (*Carvaka*) chủ trương như thế. Và ở thành phố **Athène** thời **Socrates**, có những triết gia thuộc phái ngụy biện (*Sophistes*) cũng đã từng bênh vực cho một lối sống khoái lạc vật chất tối đa như là một lối sống lý tưởng, xứng đáng được con người mơ ước.

Đạo Phật nói đó là ảo tưởng của những người khát nước mà còn ăn mặn, và càng ăn mặn càng bị khát. Đạo Phật vạch ra rằng, nỗi bất an và ưu tư nội tâm chỉ có thể giải quyết ở trong nội tâm, chứ không thể giải quyết ở bên ngoài. Phương pháp tu Thiền của đạo Phật-mà người phương Tây quen gọi là đạo **Phật Thiền** (*Zen Buddhism*) chính là phương pháp giúp cho con người trở về với nội tâm mình để giải quyết một cách căn bản mọi nỗi ưu tư và bất an của nội tâm. Nội tâm chúng ta không khác gì mặt nước hờ, bị những đợt gió dục vọng chạy theo ngoại cảnh làm cho nỗi sóng và vẩn đục. Chúng ta ưu tư chúng ta bất an chính vì chúng ta hằng ngày sống với cái nội tâm nỗi sóng đó, trong khi cả lớp nước hờ sâu thẳm, trong lặng thì chúng ta bỏ quên như là xa lạ, không phải của mình.

Mục đích của Thiền không ở ngoài việc chỉ bày cho chúng ta những phương pháp thích hợp để làm cho bề mặt của nội tâm ta không còn nỗi sóng, không còn dao động, để có thể nhìn sâu vào những lớp nội tâm rộng lớn, trong lặng vốn là cái tâm thật của chúng ta, chân tâm của chúng ta.

Nội tâm con người, từ bề mặt cho đến những bể sâu, một khi được làm cho vắng lặng, thì sẽ trong sáng như gương, sẽ là nguồn an lạc và hạnh phúc, sẽ là chân lý là ánh sáng, là Niết Bàn. Phương pháp tu Thiền rất nhiều vì bản tính con người muôn vàn sai biệt, người thì độn cản, người lợi cản, có người nặng về tham, có người lại sân và si nhiều; hay là

ngược lại. Thế nhưng mục đích cuối cùng phải đạt tới của mọi phương pháp tu Thiền là an tĩnh nội tâm, làm vắng lặng và trong sáng nội tâm, biến nội tâm từ dao động trở thành yên tĩnh, từ mê mờ trở thành sáng suốt. Tâm sáng suốt, đó chính là trí tuệ **Bát-nhã**, chính là cái mà sách Anh ngữ thường gọi là trí tuệ siêu việt **Transcendental wisdom**. Có được trí tuệ Bát-nhã, thì tức là thành Phật, bậc Thánh nhìn thấy tất cả biết hết tất cả (*Omniscient*).

Một ông vua mà giới sử học quốc tế thường biết đến như là một anh hùng đã lãnh đạo quân dân Việt Nam hai lần chiến thắng đội quân xâm lược **Nguyên Mông** vào thế kỷ XIII, đội quân đã từng làm mưa làm gió trên các chiến trường châu Âu, và châu Á thời bấy giờ. Ông vua đó **Trần Nhân Tông**. Ông vua đó, sau khi đánh bại quân Nguyên Mông đã không chịu ở lại ngôi vua để tận hưởng vinh quang của chiến thắng, mà đã nhường ngôi cho con, xuất gia theo đạo Phật, trở thành vị Thiền sư lối lạc, lập ra phái **Thiền Trúc Lâm Yên Tử**. Những tác phẩm Phật học của ông, toát lên nhiều tư tưởng kỳ đặc. Một trong những tư tưởng đó là theo nguyên văn lời ông.

"But ở trong nhà,

Chẳng phải tìm xa,

Nhân khuẩy bốn nén ta tìm But,

Cốc mới hay chính Phật là ta".

(Cu Tranh Lạc Đạo Phú - hội 5)

Nghĩa là theo **Trần Nhân Tông**, con người thật của chúng ta chính là Phật, và chính vì chúng ta quên mất cái본, cái gốc đó cho nên chúng ta mới là chúng sinh, có trí óc mê muội và thân tâm đau khổ bất hạnh. Niềm ưu tư, bất an có thường trực trong nội tâm của chúng ta chính là bắt nguồn từ ở chỗ chúng ta quên mất con người thật của chúng ta là Phật, sống với con người giả của chúng ta là chúng sinh. **Đạo Phật của Trần Nhân Tông cũng như của đời Trần nói chung là một đạo Phật hướng nội rất rõ nét, rất sinh động.** Trên từ vua cho đến các quan lại, tướng lãnh, binh sĩ, dân thường nếu mọi người đều tin rằng mình là những vị Phật sẽ thành, do đó ngay trong hiện tại phải sống xứng đáng với vị Phật ở trong mình, sống với những đức hạnh của Phật như là từ bi, trí tuệ, dũng khí, vô úy... thì hãy

hỏi có giặc ngoại xâm nào, kể cả quân đội Nguyên Mông thiêng chiến, có thể xâm phạm bờ cõi Việt Nam mà không bị đánh bại.

Cỗ đức có câu :

"Khổ hải vô biên,

Hồi đầu thị ngan".

Nghĩa là:

"Biển khổ mênh mông,

Nhung quay đầu lại thì sẽ thấy bờ ngay".

Quay đầu lại hướng về nội tâm, quay đầu lại sống với con người thật của mình, và con người thật đó chính là Phật với đầy đủ hai đức hạnh trí tuệ và từ bi. Đó chính là phương thuốc mà đạo Phật có thể cống hiến cho con người hiện đại, con người hiện nay đang lảng dâng như khách phong trần trên khắp các nẻo đường, tìm kiếm sự thật và hạnh phúc, tuy biết rằng sự tìm kiếm đó là vô vọng. Đạo Phật nói : **Thôi hãy dừng tìm kiếm đâu xa nữa ? Hãy trở về với chính mình, với con người thật của mình.**

Trần Nhân Tông, nhà vua - Thiền sư mà tôi đã giới thiệu trên đây có hai câu thơ chữ Hán :

"Gia trung hữu bán hưu tần mích

Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền".

Nghĩa là:

"Trong nhà săn ngọc thoi tìm kiếm

Lặng lòng đối cảnh hỏi chi Thiền".

Trong nhà có săn ngọc, không cần tìm kiếm đâu xa nữa, cũng như nói chính mình là Phật rồi, thôi đừng cầu Phật, tìm Phật ở đâu xa nữa. Và vì đã là Phật, cho nên ngoại cảnh dù có biến đổi, hấp dẫn như thế nào cũng không thể ảnh hưởng chi phổi. Nội tâm con người vẫn bình lặng. Đã bình lặng thì sáng suốt, không gì không thấy, không biết. Và đó chính là Thiền rồi, cũng không cần học hỏi Thiền làm gì.

2. Xu thế hướng ngoại : Một cuộc sống hoàn toàn vô ngã, vị tha, tích cực, năng động, phong phú.

Con người, sau một quá trình tìm kiếm lâu dài không có kết quả, cuối cùng biết trở về với chính mình, thì bỗng thấy cái gọi mình là ta thực ra không tồn tại. Cả thân và tâm chỉ là một dòng, một chuỗi hiện tượng tâm và sinh lý biến chuyển liên tục trong từng sát na một và ở bên trong hay là ở đằng sau dòng chảy liên tục đó, không có một cái gì gọi là linh hồn hay là cái ta vĩnh cửu.



Chư Phật tử ở Paris và các vùng lân cận cuối tuần về chùa Khánh Anh mới Evry làm công qua.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Suragama) một bộ **kinh Đại thừa** quan trọng đã minh họa thuyết Vô ngã của đạo Phật bằng một ảnh dụ rất sinh động và cụ thể : **"Cũng như trăm ngàn biển cả trong lăng mênh mông, mà bồ di tất cả rồi chấp nhất một bọt nước làm minh..."** Chấp thân tâm này là ta, cũng như biển cả quên mình là biển cả rồi chấp nhật một bọt sóng là biển cả.

Con người giác ngộ lý vô ngã của nhà Phật, phát hiện thấy mình không phải là cái bọt nước, mà là cả đại dương rộng lớn, mình là đồng một thể với tất cả mọi người, mọi chúng sinh, mọi loài hữu tình, và từ nhận thức đầy trí tuệ này, con người phát ra một lòng từ rộng lớn, lòng bi rộng lớn, nguyên làm tất cả những gì có thể làm được vì lợi lạc của tất cả chúng sinh, của tất cả mọi loài. Sống như vậy, đạo Phật gọi là sống theo lý tưởng **Bồ-tát (Bodhisattva ideal)**. Đó là lý tưởng sống hòa nhập vào mọi người, mọi chúng sinh, đúng theo nguyên lý mọi người, mọi chúng sinh đều bình đẳng, cùng một thể.

Tôi tin rằng lý tưởng Bồ-tát, như được trình bày trên đây, là một lý tưởng có giá trị hiện thực lớn đối với thế giới hiện đại, vì các tôn giáo lớn trên thế giới đều có thể chấp nhận và thực hiện lý tưởng Bồ-tát của đạo Phật trên những mức độ khác nhau, và với những tên gọi khác nhau.

Đạo Gia-tô nói : **"Hãy thương người như thể thương mình".** **Đạo Hồi** nói : **"Người Hồi giáo trong bốn biển đều là anh em".** **Đạo Phật** nói : **"Hãy yêu thương tất cả chúng sinh như người mẹ yêu thương đứa con của mình".**

Tất cả những lời lẽ khác nhau đó đều nói lên một nội dung thống nhất là tình thương rộng lớn, bao trùm lên mọi người không phân biệt chủng tộc và dân tộc, màu da và giới tính v.v... Tình thương rộng lớn đó phải là nét đặc trưng nổi bật nhất của một trật tự đạo đức mới, rất cần thiết cho xã hội và thế giới hiện đại, ở phương Tây cũng như phương Đông.

Đạo Phật khuyến cáo mọi người hãy quay về với người thật của mình, thế nhưng con người thật của chúng ta lại là vô ngã. Nó không hạn chế trong cái thân và tâm vô thường hạn hẹp này, nó là cũng một thể với tất cả mọi người, mọi chúng sinh và mọi loài hữu tình khác. Và sống hòa nhập với mọi người, mọi chúng sinh chính là lối sống vô ngã vị tha theo lý tưởng Bồ-tát.

Nói tóm lại, hướng nội để tìm con người thật của chính mình. Nhưng sau khi phát hiện con người thật của mình lại không có mình không có ta, lại là vô ngã, đồng nhất thể với tất cả mọi người, mọi chúng sinh khác, cho nên đạo Phật lại chủ trương một cuộc sống năng động tích cực, hướng ngoại không phải là để tìm và hướng thụ những lạc thú vật chất tầm thường và phi đạo đức, mà là để mưu lợi ích và đem lại an lạc cho mọi người, mọi loài. Trong cả hai xu thế hướng nội và hướng ngoại này, nổi bật lên chủ thuyết Vô ngã của đạo Phật, nó không khác gì so với chỉ đỗ xuyên suốt toàn bộ giáo lý, đạo đức và thực tiễn tu hành của đạo Phật.

Khi đức Phật còn tại thế và cả sau khi Ngài đã nhập diệt, tại bất cứ nơi

nào đạo Phật có mặt thì lý tưởng vô ngã vị tha bao giờ cũng là chuẩn mức bất di dịch của nếp sống đạo đức Phật giáo, đối với người xuất gia cũng như người tại gia. Lý tưởng đó chói sáng Phật giáo Nguyên thủy cũng như Phật giáo phát triển, Phật giáo Nam tông cũng như Phật giáo Bắc tông, hồi Phật còn tại thế cũng như mãi mãi về sau này. Bất cứ mọi người nào mà chối bỏ lý tưởng đó, sống ngược lại với lý tưởng đó, thời không thể được xem như là người Phật tử chân chính, chứ đừng nói gì đến bậc A-la-hán. Ấy thế mà vẫn có người viết sách phê phán, lý tưởng của A-la-hán là vị kỷ hẹp hòi. Họ không hiểu rằng muốn thành A-la-hán, điều kiện tiên quyết là phải diệt trừ mọi tư tưởng về cái ta, phải giác ngộ về lý vô ngã vị tha.

Chúng ta hãy nghe lại lời đức Phật khuyến dụ lớp học trò đầu tiên của Ngài :

"Này các Tỳ kheo, các người cần phải tu hành, vì an lạc cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc của chu Thiên và loài Người..." (Mahavagga, 19)

Cần nhắc lại rằng, sớm từ năm 300 trước Công nguyên, vào một thời mà đạo **Phật Đại thừa** chưa hưng khởi thì **Hoàng đế Asoka** ở **Ấn Độ** đã phái nhiều đoàn truyền giáo mang thông điệp của đức Phật Thích-Ca đến tận các xứ Xiri, Hy Lạp, Ai Cập và Bắc Phi và nhiều vùng xa xôi khác trên thế giới. Theo truyền thuyết, một phái đoàn truyền giáo của Asoka đã đến tận nước **Việt Nam**, và có xây một bảo tháp ở đây. Truyền giáo ở đất nước xa xôi, bất chấp những trở ngại về ngôn ngữ, phong tục tập quán v.v... là một hành động không những vị tha mà còn dũng cảm nữa. Và đã có biết bao nhiêu người đi mà không trở về trong sự nghiệp truyền giáo của các tôn giáo lớn trên thế giới.

Thiếu sót cơ bản của con người hiện đại là đã đánh mất con người thật của chính mình, mà chạy theo cái **Ta giả** với những khao khát thèm muốn không bao giờ có thể thỏa mãn. Con người hiện đại ở xã hội văn minh phương Tây, có thể sống một đời sống tiện nghi vật chất thật đầy đủ, nhưng chỉ thiếu một cái là hạnh phúc, là sự an ổn nội tâm để thật sự thụ hưởng tất cả mọi của cải và tiện nghi vật chất đó.

Đúng như vậy, của cải và tiện nghi vật chất, lạc thú vật chất không thể là mục đích tự nó, và cứu cánh

được. Bởi vì, tôi thiêu, con người phải có sự bình tĩnh và thanh thản của tâm hồn mới có thể tận hưởng những lạc thú vật chất hay tinh thần. Thế nhưng từ lâu, do cuộc sống thác loạn và hướng ngoại, mất hài hòa với bản thân, với thiên nhiên và xã hội, con người của xã hội văn minh phương Tây đã đánh mất sự bình tĩnh và thanh thản đó của tâm hồn, là điều kiện tiên quyết và cơ bản của một hạnh phúc chân chính và thật sự.

Ngay từ thời **Hy Lạp cổ đại**, Socrates đã vạch ra tất cả sự vô nghĩa lý của một lối sống tôn thờ khoái lạc vật chất như là độc nhất và tối thượng. Chúng ta có thể đọc lời phê phán sắc sảo đó của Socrates trong bài đối ngoại **Phillebus** của Plato. Trong cuộc đàm thoại, Socrates đã dẫn đối phương của mình là **Protarchus** đến kết luận vô lý này là con người chỉ cần hưởng lạc thú tối đa, ngoài ra thì không cần gì hết, kể cả lý trí, sự thông minh, trí nhớ, kiến thức và quan niệm đúng đắn. Nghĩa là theo Protarchus, con người miễn là được hưởng lạc thú tối đa, còn thì không cần gì nữa hết, kể cả sự thông minh, lý trí, trí nhớ v.v...

Socrates nói : *"Như vậy thì không có trí nhớ làm sao ông nhớ được ông đã được hưởng lạc thú : bởi lẽ ngay sau khi hưởng lạc thú, ông không còn nhớ gì được hết, và hon nữa, vì ông cũng không có quan niệm đúng đắn, ông cũng không nghĩ được rằng ông sẽ còn được hưởng lạc thú, và bởi vì ông cũng thiếu khả năng lý trí, ông cũng mất khả năng nhận thức được rằng ông sẽ còn được hưởng lạc thú trong tương lai. Ông phải sống cuộc sống của con só hay là của những con vật sống nào khác mà trú xú là đáy biển mà linh hồn bị dán kín ở trong vỏ cứng. Có phải tất cả là như thế chăng, hay là chúng ta có thể nghĩ một cái gì khác ?"*

Protarchus : *"Chúng ta không thể nghĩ khác được".*

Socrates : *"Nếu vậy thì phải chăng chúng ta có thể nghĩ rằng một lối sống như thế là đáng mong ước ?"*

Protarchus : *"Này Socrates, lập luận của ông làm tôi diec cả tai..."*

Tôi dẫn chứng cuộc đàm thoại của Socrates để nói rằng con người hiện đại, sống một cuộc sống văn minh vật chất cao ở cuối thế kỷ XX này vẫn có thể tiếp tục suy nghĩ ấu trĩ như Protarchus ở Athenes cách đây hai mươi lăm thế kỷ.

Tất nhiên, đạo Phật một mặt lên án cuộc sống chạy theo những dục vọng vật chất thấp hèn, mặt khác cũng không phải đề cao cuộc sống

nghèo đói, kham khổ, đạo Phật lại càng phê phán lối tu hành hạ xác thân, ép xác khổ hạnh, chỉ làm cho thân người bệnh hoạn và đau ốm con người u mê. Đức Phật khuyến chúng ta tránh cả hai cực đoan chạy theo dục lạc vật chất và sống ép xác khổ hạnh. **Đức Phật khuyến cáo học trò mình cũng như tất cả mọi người sống nếp sống lành mạnh, giản dị, hướng thượng, chói sáng đạo đức, giới hạnh và trí tuệ, một nếp sống mà tất cả mọi người giàu hay nghèo, xuất gia hay tại gia, ở phương Đông hay phương Tây đều có thể sống hay hướng đến.** Một nếp sống như vậy sẽ đem lại sự bình tĩnh nội tâm sự sáng suốt của trí tuệ, giúp cho con người có thể thấy được sự vật như thật. Chính nhờ đó mà con người có thể sống hài hòa với bản thân và làm chủ bản thân, sống hài hòa với xã hội, với thiên nhiên. Và trong nhịp sống hài hòa đó, với bản thân, với xã hội và thiên nhiên, con người mới tìm thấy hạnh phúc thật sự.

Nếu tất cả mọi người đều chấp nhận và sống nếp sống như vậy, thì cả thế giới chiến tranh và bất ổn này sẽ sớm trở thành một thế giới hòa bình và hạnh phúc, **kỷ nguyên XXI** sắp tới đây sẽ trở thành kỷ nguyên của con người, kỷ nguyên trong đó các giá trị nhân bản là thước đo, là chuẩn mực của mọi giá trị, đường ranh giới phân biệt thật hay giả, thành công hay thất bại, chánh kiến hay tà kiến. Một kỷ nguyên trong đó con người trở thành vị quan tòa tối thượng, đánh giá mọi hệ thống chính trị xã hội, xem hệ thống nào ưu việt, đầy sức sống, hệ thống nào lỗi thời, phải cương quyết tự cải tổ lại hay là rút lui khỏi vũ đài lịch sử.

Xu thế hướng nội, quay về với con người thật của chính mình không thể bị hiểu nhầm, là tiêu cực, tự thu mình trong tháp ngà. Trên đây, tôi có nói đến một xu thế khác của đạo Phật, xu thế hướng ngoại dẫn tới một cuộc sống vị tha tích cực, vì lợi lạc của tất cả mọi người, mọi chúng sinh. Trong kinh điển của Phật giáo Nguyên thủy, có ghi những lời dạy của đức Phật, khuyến cáo các đệ tử của mình hãy tích cực hoằng hóa độ sanh, và nhất là **thực hành Bốn Nhiếp Pháp** để gần gũi chúng sinh, mưu lợi lạc cho chúng sinh, gần gũi mọi người, đem lợi lạc cho mọi người.

Bốn Nhiếp Pháp đó là ái ngữ tức là lời nói dịu hiền, dễ nghe; bố thí tức là giúp đỡ chúng sinh trên các mặt cung cấp của cải vật chất, giảng giải đạo lý, giáo pháp của đức Phật, che chở,

(xem tiếp trang 11)

Đọc tác phẩm mới nhất của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh

Trong mùa tu gieo duyên năm nay tại chùa Viên Giác Hannover bắt đầu từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 7 năm 2015, có chừng 50 đến 70 Phật Tử tại gia khắp nơi về tham dự. Có người tu liên tục trong 10 ngày, nhưng cũng có người chỉ tham gia trong 5 ngày miền mật cuối cùng, dưới sự hướng dẫn của Thầy Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác. Đạo Hữu Thông Giác là một Phật Tử tại gia đến từ Neuss, có mang theo một quyển sách thật dày của Thiền Sư Nhất Hạnh do Nắng Mới tại Đức xuất bản tặng cho tôi. Tôi thấy sách dày thì không ngắn, nhưng chỉ ngán là không có thời gian. Vì lẽ, tôi hay đọc Đại Tạng Kinh, có quyển dày đến hơn 1.000 trang cũng chẳng có sao cả. Rồi tôi cứ để mặc đó, nhưng kỳ này trước khi đi Chicago Hoa Kỳ tham dự lễ tang của Thầy Hạnh Tuân và đi Ấn Độ, mỗi nơi chỉ có 3 ngày và tôi lợi dụng thời gian ngồi trên máy bay hay thời gian chờ đợi ở phi trường để đọc cho xong tác phẩm này.

Đó là quyển "*Tri Kỷ của But*" dày 660 trang và tôi đã đọc trong 6 tiếng đồng hồ, mỗi lần đọc hai tiếng trong khoảng thời gian cách nhau nhiều ngày. Đọc Kinh, sách là niềm vui của tôi, vì tôi muốn tìm hiểu thêm để học hỏi từ những tác giả khác. Đạo Hữu Thông Giác còn

viết thêm mấy chữ ở một miếng giấy rồi là : "Đây có thể là tác phẩm cuối cùng của Thiền Sư Nhất Hạnh". Đó cũng là lý do chính đáng để tôi phải đọc tác phẩm này. Vì sao vậy ? Vì lẽ tên tuổi của Thầy Nhất Hạnh ai mà không biết, ngay cả đi ngoài phi trường hay vào nhà sách Âu Mỹ, người địa phương thường hỏi tôi rằng : *Có phải Lama Tây Tang hay có biết Thầy Thích Nhất Hạnh không ?* Chỉ chừng ấy thôi cũng để cho chúng ta cần quan tâm đến.

Tôi không biết là mình đã bắt đầu đọc sách của Thầy Nhất Hạnh lúc

nào, nhưng sớm nhất có thể là vào năm 1964 khi tôi mới vào chùa. Trong đó có những tác phẩm như : *Nói với tuổi hai mươi*, *Bóng hồng cài áo*, *Cửa tùng đôi cánh gài*, *Hoa sen trong biển lửa* v.v... Một điều tôi không bao giờ quên là năm 1964 tôi đã bắt đầu học thuộc lòng bài *Sám Quy Mạng* nghĩa do **Thầy Nhất Hạnh** dịch sang tiếng Việt, câu văn rất trong sáng, mà Tăng chúng chùa Viên Giác tại Hannover cho đến ngày nay mỗi tuần đều có trì tụng một lần. Sau này có thêm bài dịch của *Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải* dịch rất văn chương và thâm trầm với ý nghĩa vâng sanh về Tịnh Độ, thì chúng tôi cũng đã, đương và sẽ hành trì cả bản văn chữ Hán và hai bản văn dịch này hằng tuần để nhớ và niệm ân người xưa đã vì thế hệ đi sau mà mở khai phương tiện như vậy. Ông nghĩa ấy thật là nghìn trùng.

Ấy vẫn còn có giá trị đến ngày hôm nay cho cả trong lẩn ở ngoài nước. Việc tốt, xấu, khen, chê, tán dương ca ngợi hay đả phá... tôi không đề cập đến trong bài này, vì lẽ tư tưởng của một người có ảnh hưởng đến quần chúng thì phải cần thời gian và năm tháng mới có thể thành công được.

Từ phong trào "**Thanh Niên Phung Sư Xã Hội**" của Thầy đã chủ trương cho đến "**giới Tiếp Hiện**" cho Cư Sĩ lẩn Tu Sĩ hay còn gọi là Tăng Thân. Mãi cho đến năm 1988 Thầy Nhất Hạnh vẫn còn chú trọng sâu vào hai lãnh vực trên, nhưng kể từ năm 1988 trở đi Thầy thấy rằng không thể thiếu hình ảnh của Tăng Đoàn, nên Thầy đã thâu nhận người xuất gia và trong hiện tại, Thầy là một Thiền Sư Việt Nam có nhiều Đệ tử xuất gia nhất, có thể trên 1.000 vị chứ không ít. Như vậy vai trò của người xuất gia không thể thiếu trong việc truyền thừa giáo lý của Phật Đà.

Nay thì Thiền Sư đang chữa bệnh tại Hoa Kỳ, hy vọng Ngài sẽ chóng bình phục và nhân tiện này với cá nhân tôi, xin niệm ân Ngài không ít, nhất là vào thời điểm năm 1975 khi quê hương đất Việt đã thay ngôi đổi chủ, việc tài trợ kinh phí không còn nhận được nữa, thì chính Ngài đã kêu gọi một Hội Thánh Tin Lành tại Stuttgart, Đức



Các em Oanh Vũ cùng với quý anh chị Huynh Trưởng Gia Định Phật Tử Quảng Đức và các Phụ Huynh chụp hình lưu niệm trong những ngày sinh hoạt đoàn sinh cuối tuần.

Thế hệ của chúng tôi xuất gia từ thập niên 60 nên có cơ duyên tham cứu, học hỏi sách vở cũng như tư tưởng của Thầy Nhất Hạnh không ít. Ví dụ như việc học cả hai chương trình thế học và Phật học hay nói đúng hơn là ngoại điển và nội điển. Nếu không có những thế hệ tiên phu như Thầy Nhất Hạnh vào thời gian trước đó, thì chúng tôi khi xuất gia, đều bị đóng khung trong 4 cánh cửa của chùa. Do vậy chúng ta cũng phải nén cảm ơn Thầy Nhất Hạnh là một trong những vị Tăng Sĩ VN đầu tiên muốn thực hiện việc hiện đại hóa Phật Giáo và tinh thần

quốc hỗ trợ cho Tăng Ni Sinh Việt Nam du học tại Nhật Bản lúc bấy giờ, mỗi tháng được trợ cấp 100 USD cho đến khi ra trường. Nếu Ngài có đọc được bài này thì việc niệm ân này chắc cũng không đến nỗi quá trễ. Năm 1989 chùa Viên Giác tại Hannover có thỉnh Ngài sang để giảng một thời Pháp và tôi cũng đã 2 lần ghé thăm Làng Hồng (Mai) để tham cứu học hỏi, nhưng vì thiếu duyên nên không liên hệ nhiều với Ngài. Tuy nhiên Đệ Tử quy y năm giới với tôi, đã xuất gia với Ngài không ít. Năm 2013 tôi có dịp ghé Waldbrott, nơi Viện Phật Học Ứng

Dụng nằm gần Koln, đi cùng với Thầy Pháp Trú để thăm Ngài, lúc ấy Ngài đã bắt đầu bình nhẹ và tôi cũng đã tặng cho Ngài một số Tác phẩm cũng như dịch phẩm của mình.

Nội dung của quyển "*Tri Kỷ của But*" chắc quý vị đang nóng lòng chờ đợi để được biết, mà tôi thì nhập đề lung khởi quá dài dòng phải không ? Đúng thế ! Vì cuộc đời và tư tưởng của một con người sống trên 90 tuổi thì không thể chỉ nói và viết trong một vài trang giấy được, mà bút mực thì có hạn, còn tư tưởng của con người thì lại vượt ra khỏi không gian và thời gian rồi. Gần đây một số báo chí Tây phương cũng có xếp hạng những người có uy tín đối với đời sống tinh thần của họ, thì **Đức Đạt Lai Lạt Ma** dẫn đầu và **Thầy Nhất Hạnh** đứng hàng thứ 4 trong 100 vị có uy tín nhất trên thế giới và ngày nay nếu có ai đó ra tiệm sách Đức để mua sách Tôn Giáo và khi nhìn phía sau những bìa sách này thường có ghi bằng tiếng địa phương là : "**Đức Đạt Lai Lạt Ma** thứ 14 là người lãnh đạo tinh thần có uy tín nhất trên thế giới và **Thiền Sư Thích Nhất Hạnh** được xếp vào vị trí thứ hai". Có lẽ do họ đọc sách và tư tưởng của các Ngài nên mới có được những thống kê cụ thể như thế.

Tri Kỷ có nghĩa là gần gũi, hiểu biết, chứ không phải ở xa để nói và viết về một người, ngay cả là Đức Phật. Đọc xuyên suốt 660 trang sách ta có nhận thức là Thiền Sư đã thẩm thấu qua **Kinh Điển Đại Thừa** và truy nguyên **Kinh Điển Nam Truyền** ở thời gian sau này để Thầy Nhất Hạnh cụ thể hóa hơn về những lời dạy của Đức Phật, khiến cho mọi người dễ hiểu. Đây là một thành công của Thầy ấy. Còn chữ **But** thì lâu nay đã có nhiều sách vở đã luận bàn, thiết nghĩ tôi không cần phải nhắc lại ở đây nữa. Riêng tôi vẫn tôn trọng theo truyền thống và dùng chữ Phật như Ngài Huyền Trang đã dịch, để tuyên dương giáo lý Phật Đà. Mỗi dân tộc, mỗi ngôn ngữ đều có cách phát âm riêng, điều quan trọng là ta nắm bắt được gì từ tư tưởng ấy để hành trì hay không, chứ bị kẹt vào văn tự thì mãi cho đến bao giờ chúng ta vẫn là những con tằm nằm trong cái kén, khó thoát ra ngoài vỏ kén để tạo nên tơ lụa và dệt nên những gấm hoa để trang điểm cho cuộc đời này.

Thiền Sư Nhất Hạnh điểm qua các Pháp số về **Tứ y** (bốn noi nương tựa), **Tứ Diệu Đế**, **Tứ Tất Đàn** (thế gian tất đản, vị nhân tất đản, đối tri tất đản và đệ nhất nghĩa tất đản) và **Tam Pháp Ấm**. Ngài nhấn mạnh về tư tưởng Tương

Túc vốn là tư tưởng tuyệt đối của Đức Phật khi nói đến bất cứ một vấn đề gì, cho nên Thầy Nhất Hạnh rất quan tâm và đào sâu về lãnh vực này. Ví dụ Thầy dùng : *There is no way to the peace, peace is the way* (*không có con đường nào dẫn đến hòa bình (hạnh phúc), hòa bình chính là con đường*). Đây chính là tư tưởng Tương Túc hay tư tưởng **Tất Đàn**. Thầy ví dụ khi một người muốn đi Paris, lên tàu TGV chạy nhanh từ Bordeaux hướng về Paris thì người ấy trước sau gì cũng sẽ đến Paris, chỉ trừ khi người ấy có ý định đi ngược hướng lại thì khác. Từ đó Thầy chứng minh pháp môn của Làng Mai (*Pháp môn này Thầy cũng đã dạy cho Tăng Ni trong khóa An Cư Kiết Động tại Làng vào năm 2011 và 2012 và những bài giảng ấy đã là sự thành tựu của tác phẩm này*). Thầy viết: *There is no way to Nirvana, Nirvana is the way* (*không có con đường nào dẫn đến Niết Bàn, Niết Bàn chính là con đường*). Tư tưởng này rất hay và Ngài chứng minh rằng : **Khi người ta đi và hướng đến có nghĩa là người ta đang và đã chứng thực được hạnh phúc hay Niết Bàn rồi, không cần phải đến cuối điểm Paris mới gọi là đến, mà mục đích đích thực đã đạt được trên đường đi đến rồi.**

Từ đó trong phần sau của quyển sách này Thầy đã hệ thống hóa lại tư tưởng của **Thập Nhị Nhán Duyên**, không còn là 12 chi như Đức Phật đã dạy, mà rút gọn lại còn 5 hay 6 chi. Điều này Thầy lấy ra từ tư tưởng **Trung Đạo** của Ngài Long Thọ và tư tưởng **Nhân Duyên Sanh** của Đức Phật đã dạy. Nghĩa là : *Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Không ai sanh ra ai cả, ngay cả cha và con. Khi người cha chưa sinh con thì người ấy không thể gọi là cha, mà cha và con là một, trong cha có con và trong con có cha. Giống như trời mưa, tuyet roi, gio lạnh... không có cái nào là chủ thể cả. Nếu lấy chữ trời rời khỏi chữ mưa thì mưa vẫn là mưa và mưa không cần chủ thể, rồi mưa đi về đâu ? Thành nước, thành mây rồi lại thành mưa... Cái tương duyên ấy rất quan trọng trong giáo lý duyên khởi của Đạo Phật.*

Quán sát qua tư tưởng **Trung Đạo** của **Ngài Long Thọ** chủ trương thì có 8 loại của **Trung Đạo**. Đó là : *Không đến, không đi, không còn, không mất, không tăng, không giảm, không một mà cũng chẳng phải là một. Ấy là Trung Đạo, là vượt lên trên mọi sự đối đài của có, không, còn mất v.v... Không trong Đạo Phật qua lời Phật dạy không phải là không gì cả, mà cái không này vượt lên trên cái có và cái không theo nhận thức bình thường của thế gian pháp. Không đây có nghĩa là : Không sinh,*

không diệt và vượt lên trên mọi sự đối đài thường tình.

Đọc văn của Thầy Nhất Hạnh cảm thấy nhẹ nhàng dễ hiểu, dù cho tác phẩm ấy có khó đến đâu đi nữa mà qua sự giải thích trình bày của Thầy ấy bằng Việt ngữ, Anh ngữ hay Pháp ngữ, chúng ta vẫn cảm thấy nhẹ nhàng để lãnh hội những tư tưởng cao siêu từ thời Đức Phật còn tại thế, mãi vang vọng và tồn tại cho đến ngày nay trên hành tinh này. Trong sách này cũng còn đề cập đến rất nhiều khía cạnh của các pháp **niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng** và Ngài đã bỏ qua việc **niệm Thiên** như giáo lý Nam Truyền vẫn thường hay dùng đến. Thầy cũng đã chứng minh về **Tứ Pháp Ấm** thời Phật còn tại thế, khác với tứ Pháp Ấm hay Tam Pháp Ấm mà ngày nay cả **Nam Tông** cũng như **Bắc Tông** đang hành trì. Thầy chứng minh rằng : *Ngày nay bên Nam Tông chư Tăng thường hay chỉ dùng đến vô thường và khổ để giảng dạy cho Phật Tử, còn tư tưởng Không và Niết Bàn thì hầu như không được đề cập đến, trong khi tư tưởng Đại Thừa thì phong phú hơn, ngoài Vô thường và Khổ ra, còn có Không và Vô Ngã (Niết Bàn) nữa. Như vậy giữa hai sự truyền thừa, qua thời gian và năm tháng có nhiều sự khác biệt nhau. Nếu ai hiểu được Phật thì sẽ là người Tri Kỷ với Phật vậy. Vì người ấy hiểu được Pháp của Ngài.*

Nếu chúng ta đọc lịch sử Phật Giáo và những lời dạy của Đức Phật qua sự truyền thừa cũng như những lời giáo huấn căn bản của Đức Phật thì chúng ta thấy có nhiều sự khác biệt về việc truyền thừa cũng như tư tưởng ấy phải trải qua từng giai đoạn khác nhau. Ví dụ như tư tưởng Phật Giáo khi du nhập vào Trung Hoa lại khác với Nhật Bản, Đại Hàn lại khác với Việt Nam và ngay cả các xứ theo Phật Giáo Nam Tông như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan v.v.. về cách hành trì cũng khác nhau, mặc dầu các nước này vẫn còn dùng ngôn ngữ để cùng đọc tụng chung là tiếng Pali. Trong khi đó Đại Thừa thì quá đa dạng, mỗi nước thu thập và chuyển đổi tư tưởng của Phật nguyên thủy dạy không còn giống như thời nguyên thủy nữa.

Theo tôi nhận xét và chỉ là ý kiến riêng của mình mà thôi. Nghĩa là : *Tư tưởng nào, sự cải cách nào cũng phải được trải qua thời gian và năm tháng từ nhiều trăm năm trở đi, nếu được nhiều người truyền tụng thực hành v.v... thì sự cải cách ấy mới có giá trị và trụ vững lại trên cõi đời này. Nếu sự cải cách ấy chỉ vài mươi năm và số người thực hành chưa thành nép, thì sự cải cách ấy chưa thành công được. Khi*

nhìn lịch sử Phật Giáo Trung Hoa hay Nhật Bản chúng ta thấy riêng Thiền Tông mà cũng có nhiều Tông Phái khác nhau : Tào Động khác với Lâm Tế, Quy Nguưỡng khác với Văn Môn v.v....Tông nào còn tồn tại lâu dài được với đời thì sự cải cách của các vị Tổ Sư ấy mới có giá trị.

Ở cuối sách, Ngài có đề cập đến một ít tư tưởng trong **Kinh A Di Đà** và tuy Thầy không bài bác pháp môn Tịnh Độ, nhưng Ngài khuyên Phật Tử nên phân biệt rõ ràng giữa một Tôn Giáo (**một Đức Phật**) lịch sử với một niềm tin Tôn Giáo (**tín ngưỡng**) nó không giống nhau. Do vậy hành giả cần phải thận trọng hơn, khi chọn pháp môn để tu tập và thực hành. Đối với **Thiền Chánh Niệm** như của Thiền Sư Nhất Hạnh thì "*here and now*" là quan trọng bậc nhất, nghĩa là trong bất cứ một động tác nào cũng phải lưu tâm sâu xa đến đề tài quán niệm của mình. Do vậy đôi khi ta bắt gặp được tư tưởng của nhiều Thiền Sư trong đó kể cả Thiền Sư Nhất Hạnh qua tư tưởng Tịnh Độ là đây, chứ không phải là nơi nào khác. Đó chính là tư tưởng của Thầy. Trong khi đó **Ngài Thánh Nghiêm** ở **Pháp Cổ Sơn** tại **Đài Loan** thì quan niệm rằng có 4 cảnh giới Tịnh Độ. Đó là : **Nhân gian Tịnh Độ, Thiên Quốc Tịnh Độ, Phật Quốc Tịnh Độ và Phật Tánh Di Đà Tịnh Độ**. Riêng tôi thì nghĩ rằng : Tịnh Độ có rất nhiều cõi mà một Thiền Sư cũng có thể nương về trong các cõi Tịnh Độ như : **Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ, Đóng Phương Tịnh Độ của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Đầu Suất Tịnh Độ** (nội cung) của Đức Phật Di Lặc và không nhứt thiết phải là vãng sanh về Tây

phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. Nói chung thì Tịnh Độ có vô lượng cõi, còn Cực Lạc thì chỉ có một mà thôi. Cõi ấy do **Đức Phật A Di Đà đang giáo hóa ở Tây Phương** qua **48 lời nguyện** của Ngài, khi Ngài còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo đã phát ra **48 lời nguyện** như vậy.

Nhìn chung thì tác phẩm này là một tác phẩm quý giá đáng đọc, mà cũng có thể đây là tác phẩm sau cùng của Thầy Thích Nhất Hạnh như Đạo Hữu Thông Giác đã nói, vì lẽ năm nay Ngài đã hơn **90** tuổi rồi, chắc gì sau khi khỏi bệnh, Ngài còn minh mẫn để giảng giải khúc chiết tỉ mỉ như tác phẩm này, vốn là một tác phẩm được đúc kết bởi một cuộc đời tu học và hoằng pháp của Ngài xuyên suốt trong gần một thế kỷ qua. Đọc xong một tác phẩm chúng ta học hỏi được một vài điều nhắn gửi từ tác giả là quý hóa lắm rồi. Vì cuộc đời này hay néo Đạo cũng thế, những gấm hoa được trang sức cho nền Đạo học ấy không phải chỉ có vài sợi tơ lụa được dệt thành một tấm thảm vô giá, mà chính từ sự đóng góp của mỗi một cá thể trong chúng ta mới có thể tạo nên một tác phẩm giá trị kia.

Nói như Thầy Nhất Hạnh đã nói ở đầu đó rằng : "*Nếu con tằm ăn dâu mà chỉ thải ra toàn là chất dâu thì đâu có ích lợi gì cho đời này. Lá dâu kia phải được con tằm xay nhuyễn ra để tự làm thức ăn cho mình, rồi từ đó tao thành chiếc kén để quay thành tơ, dệt nên lụa là...thì sự tiêu thụ lá dâu ấy mới có ý nghĩa*". Quả thật đúng như vậy, nếu chúng ta học Phật mà không tiêu hóa giáo lý của Đức Phật đã dạy thì hóa ra chúng ta chỉ là những con tằm, cũng biết ăn dâu đấy, nhưng chưa

tiêu hóa được giáo lý thâm vi diệu kia, thì làm sao có thể trang điểm được cho đời này bằng những hành trang cần thiết để lướt đi trên con đường thiên lý, giác ngộ, giải thoát ấy.

Tôi viết bài này để niệm ân Ngài, vì lẽ trong sự tương túc nào đó, nếu không có cái này thì sẽ không có cái kia, thì tôi cũng là một cá nhân đã chịu ân của Ngài trong khi còn du học tại Nhật Bản từ những năm 1975 đến năm 1977, thì đây chính là một cái nhìn, một sự nhận xét thiển cận của mình sau khi đọc trọn tác phẩm "*Tri Kỷ của But*" mà Ngài đã dày công giảng dạy cho Tăng Ni Làng Mai trong suốt **hai mùa An Cư Kiết Đông** của năm **2011** và **2012** vừa qua.

Khi nhận định về một tác phẩm, chắc chắn có phần chủ quan, thiếu khách quan. Kính mong Ngài hoan hỷ doãn nạp cho.

Viết xong vào một sáng mùa Đông tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc tháng 12 năm 2015.

Thích Nhu Điển

Sống theo lý tưởng Bồ tát

(tiếp theo trang 8)

bảo vệ chúng sinh nếu cần thiết, và tùy hỷ với tất cả mọi điều lợi lạc cho chúng sinh; **lợi hành** và cuối cùng là **đồng sự** tức là cùng làm việc với chúng sinh v.v... Bốn nghiệp pháp, ái ngữ, bố thí, lợi hành, đồng sự là như vậy, chúng thể hiện nếp sống vị tha tích cực của đạo Phật. (Xem *Tăng Chi I*, 387). Cùng với Bốn Nhiếp Pháp, người Phật tử giác ngộ về thuyết vô ngã còn ra sức tu tập, thực hành **Bốn Vô lượng tâm**, tức là mở rộng **lòng từ, lòng bi, lòng hi, lòng xả**, bao trùm tất cả chúng sinh khắp mười phương. Đồng thời cũng tu tập thực hành sáu Hạnh Ba la mật, tức là Bố thí, Giới hạnh, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, và Trí tuệ. Sáu hạnh này được tu tập và thực hành đến chỗ hoàn hảo, triệt để sẽ giúp cho những người sống theo lý tưởng **Bồ-tát**, có thể vứt bỏ hoàn toàn cái Ta nhỏ hẹp, vị kỷ, sống hòa nhập vào tất cả chúng sinh, tất cả mọi người.

Đó là nếp sống của những người Phật tử giác ngộ về lý **Vô ngã** của đạo Phật. Nếp sống đó không có gì là tiêu cực thụ động. Trái lại, nó rất tích cực, năng động và phong phú, đa dạng. Mong rằng nó tỏ ra hấp dẫn đối với con người hiện đại, đối với xã hội hiện đại.

Trích "**Chánh pháp và hạnh phúc**"

